

Nguyễn Văn Vũ(1), Phạm Văn Hiệp(1), Nguyễn Văn Hiệp(2), Đặng Thị Dung(2)

1. Ban quản lý Khu bảo tồn biển Cù Lao Chàm, 03 Nguyễn Huệ, Hội An

2. Viện Hải sản Hải Phòng, 224 Lê Lai, Ngô Quyền, Hải Phòng

TÓM TẮT

Bài báo này trình bày kết quả nghiên cứu về thành phần loài, trữ lượng cá thể và số lượng khai thác giêng trai tại tỉnh (Tridacna) và giêng Bần mai (Pinna) tại Khu bảo tồn biển Cù Lao Chàm. Dữ liệu được thu thập trong giai đoạn 2014 – 2016. Phương pháp sử dụng thu thập sử dụng chính là bắt tay và quan sát trực tiếp theo qui trình hướng dẫn của English & Baker. Kết quả nghiên cứu xác định được 03 loài trai tại tỉnh, với 3.507 cá thể và 03 loài Bần mai với 43.160 cá thể. Năm 2013, số lượng khai thác trai tại tỉnh và Bần mai lần lượt là 2.589 cá thể và 57.622 cá thể. Kết quả nghiên cứu có ý nghĩa quan trọng trong việc xây dựng các giải pháp quản lý, bảo vệ nguồn lợi trai tại tỉnh và Bần mai tại Khu bảo tồn biển Cù Lao Chàm.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Trai tại tỉnh và Bần mai là các loài động vật thân mềm, hai mảnh vỏ, có giá trị cao về đa dạng sinh học và kinh tế. Về sinh học, Trai tại tỉnh có nguồn gen quý hiếm, là một tích cực ảnh hưởng và chất lượng “sạch khế” của hệ sinh thái rạn san hô (Đặng Công Trung, M. Sarti, 2004). Về kinh tế, chúng được sử dụng rộng rãi trong nuôi trồng, trang trí và cũng là thực phẩm ưa thích của du khách khi đến Cù Lao Chàm.

Trong những năm gần đây, số lượng khách du lịch đến Cù Lao Chàm có sự gia tăng đột biến kéo theo nhu cầu sử dụng các mặt hàng hải sản tăng cao trong đó có trai tại tỉnh và Bần mai. Tuy nhiên, Trai tại tỉnh và Bần mai đều khai thác tự nhiên, chưa được nuôi trồng phù hợp nên đã dẫn đến việc suy giảm nguồn lợi rất nhanh chóng.

Do vậy, bên cạnh công tác tuyên truyền nâng cao nhận thức, thực hiện cấm khai thác theo thời gian, khu vực... thì việc thực hiện nghiên cứu thành phần loài, trữ lượng cũng như hiện trạng khai thác Trai tại tỉnh và Bản mai trong Khu bảo tồn biển (KBTB) Cù Lao Chàm để làm cơ sở khoa học phục vụ cho công tác quản lý, bảo tồn và khai thác bền vững nguồn lợi là rất cần thiết.

2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Địa điểm và thời gian nghiên cứu

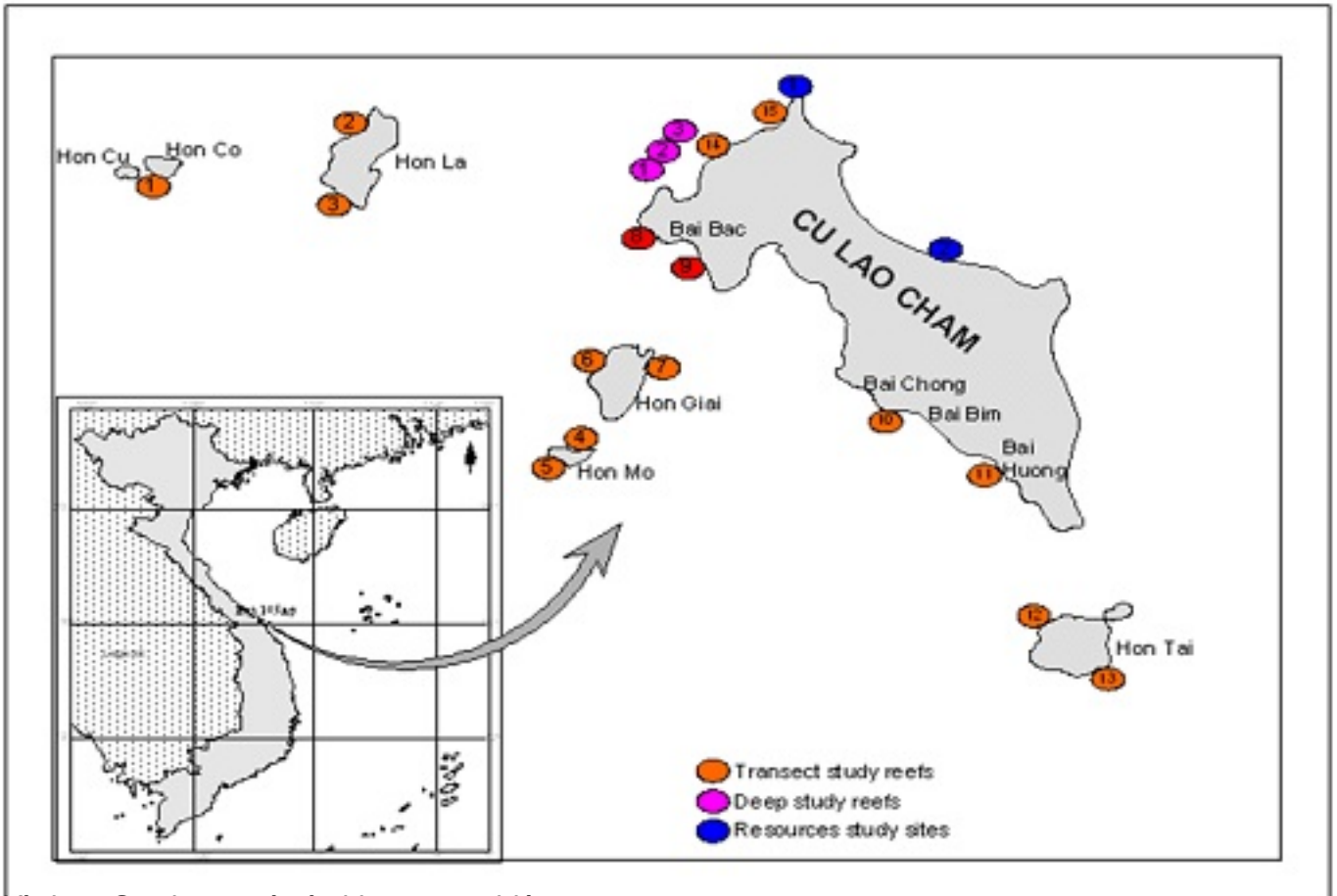
Địa điểm: nghiên cứu được tiến hành tại 20 khu vực trong Khu bảo tồn biển Cù Lao Chàm (Hình 1).

Thời gian: khảo sát thực địa thực hiện từ tháng 4 – 7/2015; Thu thập mẫu vật để tiến hành nghiên cứu tại chi hải sản Cù Lao Chàm trong suốt thời gian 3/2015 – 4/2016; phỏng vấn ngư dân vào tháng 12/2014.

2.2. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu hiện trạng khai thác: sử dụng phương pháp phỏng vấn và công cụ đánh giá nhanh nông thôn có sự tham gia để thu thập thông tin về thực địa phương: mùa vụ, số lượng khai thác, tiêu thụ sản phẩm,...vv. Quy mô phỏng vấn: 33 ngư dân làm nghề lặn tại Cù Lao Chàm, 24 ngư dân lặn cửa xã Tam Hải, huyện Núi Thành.

Phương pháp nghiên cứu thực địa: dùng phương pháp lặn quan sát trực tiếp với thiết bị SCUBA và được thực hiện theo qui trình hướng dẫn của English & Baker (1994). Tại mỗi khu vực nghiên cứu, tiến hành giám sát trên 02 mét cột để đi đến các bố trí để đi cứu (độ sâu 2- 5 mét) và đi sâu (6 – 20 mét).



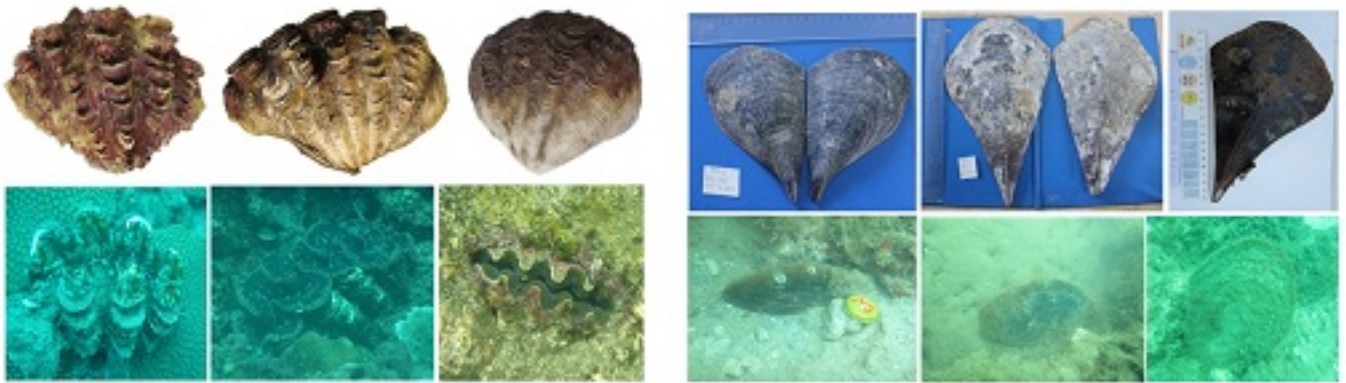
Hình 1. Vị trí quần đảo Cù Lao Chàm (1995) tại vịnh Thái Lan (500 m²), thể tích theo

$$B = \frac{(W_1 + W_2 + \dots + W_n)}{B} \times \frac{A}{500} \text{ (kg)}$$

Trên đây là bảng tính toán trữ lượng khác giới ng trai tai trên mỗi mét vuông (500 m²) của quần đảo Cù Lao Chàm.

STT	Tên khoa học loài	Tên Việt Nam	Thứ hạng theo sách đỏ năm 2007
1	<i>Tridacna squamosa</i> (Lamarck, 1819)	Trai tai tượng vảy	VU
2	<i>Tridacna maxima</i> (Roding, 1789)	Trai tai tượng lớn	VU
3	<i>Tridacna crocea</i> (Lamarck, 1819)	Trai tai tượng vàng nghệ	
4	<i>Atrina vexillum</i> (Born, 1778)	Bản mai	EN
5	<i>Pinna bicolor</i> (Gmelin, 1791)	Bản mai	
6	<i>Pinna sp</i>	Bản mai	

(VU): Số nguy cấp; (EN): Nguy cấp



Tridacna squamosa

Tridacna maxima

Tridacna crocea

P. vexillum

P. bicolor

Pinna sp

Tên loài	Trữ lượng ước tính (kg)	Số cá thể ước tính (con)
Trai tai tượng:		
<i>T. maxima</i>	3.800	2.560
<i>T. squamosa</i>	2.285	768
<i>T. crocea</i>	11	179
Bản mai:		
<i>Pinna bicolor</i>	715	11.980
<i>Atrina/P. vexillum</i>	4.763	25.380
<i>Pinna sp</i>	985	5.800